

Số: 170/2022/QĐST-DS

Đông Anh, ngày 09 tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 07 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST - DS ngày 11 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 29/07/2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N: Luật sư Nguyễn Tiến T - sinh năm 1980, Công ty Luật Trung N - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th - sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Th: Luật sư Bùi Thúc H, Luật sư Phạm Anh T, Công ty Luật TNHH K - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1, Bà Nguyễn Thị Nh - sinh năm 1963 (chị gái bà N và ông T)

2, Bà Đỗ Thị H - sinh năm 1973 (vợ ông T)

3, Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1999 (con ông Th, bà Hường)

4, Chị Nguyễn Thu Tr - sinh năm 2001 (con ông Th, bà H)

Ông Th là đại diện theo ủy quyền của chị Tr, anh T.

- 5, Ông Lê Anh T - sinh năm 1952 (chồng bà N)
6, Anh Lê Bình M - sinh năm 1999 (con ông T, bà N)
7, Cháu Lê Thị Quỳnh H - sinh ngày 02/10/2004 (con ông T, bà N)
Bà N, ông T là đại diện theo pháp luật của cháu H
Bà N là đại diện theo ủy quyền của ông T, anh M.

Cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Luật sư Bùi Thúy H, Luật sư Phạm Anh T, Công ty Luật TNHH K - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quan hệ gia đình, hàng thừa kế và diện thừa kế:

- Di sản cụ Nguyễn Văn L - sinh năm 1934 (1943 theo sổ hộ khẩu) chết năm 2000 và cụ Đào Thị B - sinh năm 1936, chết năm 1996 để lại là: Quyền sử dụng 469m² đất (trong đó 300m² đất ở và 169m² đất vườn) tại thửa đất số 18 tờ bản đồ số 30 có địa chỉ tại: thôn T, xã Đ, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Ngoài di sản là quyền sử dụng thửa đất trên, cụ Nguyễn Văn L và cụ Đào Thị B không còn di sản nào khác chưa chia. Các đồng thừa kế nhất trí chỉ yêu cầu giải quyết chia thừa kế đối với quyền sử dụng của thửa đất nêu trên.

- Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn L và cụ Đào Thị B gồm có: Bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Th. Ngoài ra không còn ai khác.

2/ Về việc phân chia di sản thừa kế trên thực địa như sau:

- Bà Nguyễn Thị Nh tự nguyện không nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn L và cụ Đào Thị B.

- Bà Nguyễn Thị N được hưởng 151,4m² (đo theo hiện trạng) đất ở được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,1 (Có sơ đồ kỹ thuật kèm theo) kèm tài sản có trên đất trong tổng thể thửa đất số 18 tờ bản đồ 30 diện tích 469m² (theo GCNQSD đất) tại Thôn T, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. **Trong đó có 50m² đất vườn và 101,4 m² đất ở.**

- Ông Nguyễn Văn T hưởng 336,7m² (đo theo hiện trạng) đất ở được giới hạn bởi các điểm 4,5,6,7,8,9,10,4 (Có sơ đồ kỹ thuật kèm theo) kèm tài sản có trên đất trong tổng thể thửa đất số 18 tờ bản đồ 30 diện tích 469m² (theo GCNQSD đất) tại Thôn T, xã Đ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. **Trong đó có 119 m² đất vườn và 217,7 m² đất ở.**

Các bên đương sự thống nhất thoả thuận: Tự thực hiện việc làm hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình và tự chịu các chi phí, nghĩa vụ nộp thuế theo quy định tương ứng với phần đất mình được hưởng.

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Th có quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai và đăng ký sử dụng đất đai để làm thủ tục hiệu chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của Quyết định này.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần di sản được hưởng là: 95.600.000 (chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn) đồng. Bà N thuộc trường hợp hộ cận nghèo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016) nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần di sản được hưởng là: 390.800.000 (ba trăm chín mươi triệu, tám trăm nghìn) đồng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Phi Hùng